

Bản án số: 68/2023/HS-ST
Ngày: 24 - 10 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phùng Xuân Thành.
- Bà Bùi Thị Luyến.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2023 tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 59/2023/TLST – HS, ngày 02 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐXXST - HS, ngày 13 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn N, sinh năm 2004 tại Bình Thuận; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T (tên gọi khác: Nguyễn Văn T1), sinh năm: 1975 và bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm: 1974; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ tại Công an huyện T từ ngày 17/6/2023, tạm giam cho đến nay: Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo – Bà Huỳnh Thị Ngọc T2 – Luật sư cộng tác viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý tỉnh B: Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 16/6/2023 Nguyễn Văn N được đối tượng tên D (không rõ nhân thân, lai lịch) gọi điện thoại nói đến trước tiệm T3 ở khu phố

L, thị trấn L, huyện T gặp đối tượng tên L1 (không rõ nhân thân, lai lịch) lấy 02 tốp ma túy về cùng sử dụng. Nguyễn Văn N đồng ý, điều khiển xe mô tô biển số 86F6-8579 đến trước tạp hóa Lam Thúy D1 gặp đối tượng tên L1 nhận ma túy để trong 02 ống nhựa màu trắng rồi điều khiển xe về nhà D. Khi đến đoạn đường bê tông thuộc thôn Đ, xã Đ thì lực lượng Công an xã Đ dừng xe kiểm tra. Nguyễn Văn N thả ma túy đang cầm trên tay xuống đường bê tông ngay vị trí đang đứng thì lực lượng Công an xã Đ phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ và niêm phong toàn bộ tang vật có ký hiệu M.

Tại bản cáo trạng số: 59/CT-VKSND-TL, ngày 29/9/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh khẳng định bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn N là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N với mức án tù: 15 tháng đến 18 tháng tù.

Về tang vật: Đề nghị tịch thu, tiêu hủy: 02 đoạn ống nhựa màu trắng đã cắt lấy mẫu cùng 0,1555 gam mẫu M còn lại sau giám định, được niêm phong trong phong bì số 730 có chữ ký của giám định viên Đoàn Thảo N1 và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K Công an tỉnh B hiện đang giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh.

Bị cáo Nguyễn Văn N không có ý kiến tranh luận.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày ý kiến tranh luận:

- Về thủ tục tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh và Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Về tội danh: Thống nhất với tội danh theo bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn N.

- Về hình phạt: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn N đã thành khẩn khai báo và ăn năn, hối cải về hành vi của mình. Lời khai của bị cáo đã mô tả chi tiết về hành vi phạm tội. Bị cáo thuộc gia đình hộ cận nghèo. Gia đình bị cáo có điều kiện rất khó khăn. Mẹ bị cáo bỏ nhà đi khi bị cáo còn nhỏ. Một mình ba bị cáo phải trực tiếp nuôi dưỡng 05 người con nên không có điều kiện, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con được tốt. Bị cáo có trình độ học vấn thấp nên có trình độ pháp luật bị hạn chế. Bị cáo không nhận thức được hết tác hại của ma túy đến bản thân và xã hội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng

tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1; khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ vì tình tiết thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54, 65 BLHS; Nghị quyết 02/2018 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện quay về xã hội làm ăn phụ giúp cho gia đình.

- Về án phí: Do bị cáo thuộc gia đình hộ cận nghèo. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326 thì bị cáo thuộc đối tượng được miễn án phí. Tại phiên tòa, bị cáo đã nộp đơn xin miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn N:

Vào khoảng 17 giờ 00 để có ma túy sử dụng cho bản thân, Nguyễn Văn N đồng ý đến chỗ tiệm T3 ở khu phố L, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận gặp một đối tượng tên L1 (không rõ nhân thân, lai lịch) lấy ma túy đem về cho một đối tượng tên D (không xác định được nhân thân, lai lịch) ở thôn Đ, xã Đ để sử dụng. Đến khoảng 18h30, ngày 16/6/2023 sau khi nhận ma túy từ đối tượng tên L1, Nguyễn Văn N cầm hai tép ma túy điều khiển xe đi đến khu vực đoạn đường bê tông thuộc thôn Đ, xã Đ, huyện T thì bị Công an xã Đ phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang vào lúc 18h40, ngày 16/6/2023 thể hiện tài liệu, đồ vật thu giữ, tạm giữ “02 đoạn ống hút nhựa màu trắng, được hàn kín hai đầu, có kích thước 3cmx0,8cm bên trong có chứa tinh thể màu trắng”.

Tại kết luận giám định số 730/KL-KTHS, ngày 23/6/2023 của Phòng K, Công an tỉnh B, kết luận mẫu M gửi giám định có khối lượng 0,1810 gam là Methamphetamine.

Như vậy, Nguyễn Văn N là người có năng lực trách nhiệm hình sự; thế nhưng bị cáo đã có hành vi tàng trữ trái phép khối lượng 0,1810 gam Mathamphetamine nhằm sử dụng cho mục đích cá nhân. Hành vi của Nguyễn Văn N đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn N không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn N đã thành khẩn khai báo nên được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, bị cáo thuộc gia đình hộ cận nghèo. Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Do đó, cần xem xét áp dụng thêm cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS theo đề nghị của người bào chữa cho bị cáo là phù hợp.

Trong phần tranh luận, người bào chữa cho bị cáo trình bày: Bị cáo phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS vì thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có quá trình nhân thân tốt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 65, Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán TANDTC xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo quay về xã hội làm ăn phụ giúp gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù, bị cáo Nguyễn Văn N có quá trình nhân thân tốt; có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Thế nhưng, bị cáo là đối tượng sử dụng ma túy. Hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu tình hình an ninh, trật tự tại địa phương; gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Cho nên, nếu áp dụng hình phạt tù, nhưng cho hưởng án treo thì không đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, mà cần xử phạt bị cáo nghiêm minh, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để giáo dục đối với bị cáo cũng để răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Do đó, đề nghị của người bào chữa cho bị cáo về việc áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về vật chứng: Hiện đang thu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh gồm: 02 đoạn ống nhựa màu trắng đã cắt lấy mẫu cùng 0,1555 gam mẫu M được niêm phong trong phong bì số 730 có chữ ký của giám định viên Đoàn Thảo N1 và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K Công an tỉnh B. Xét thấy: Đây là vật chứng cấm tàng trữ, lưu hành và vật không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp với quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

[5] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn N thuộc đối tượng hộ cận nghèo. Bị cáo có đơn xin miễn nộp án phí hình sự. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, bị cáo Nguyễn Văn N được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249 năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N2: 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 17/6/2023.

3. Về vật chứng: Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu, tiêu hủy: 02 đoạn ống nhựa màu trắng đã cắt lấy mẫu cùng 0,1555 gam mẫu M được niêm phong trong phong bì số 730 có chữ ký của giám định viên Đoàn Thảo N1 và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K Công an tỉnh B.

Hiện đang thu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/10/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh.

4. Về án phí:

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Văn N.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/10/2023) (đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

+ Cấp theo Điều 262 BLTTHS:

- Bị cáo;
- VKSND huyện;
- CQCSĐT C.A huyện;
- Cơ quan THAHS - Công an huyện;
- Nhà tạm giữ - CA huyện;
- UBND xã Gia Huynh (Thay T/B) ;
- Sở TP T. Bình Thuận;
- C.C T.H.A DS (khi án có HLPL);
- Lưu án văn, HSVA;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến